

ROBOT ĐA TRỤC XYG432-A

Bảng thông số kỹ thuật sản phẩm 3 Trục (X-Y-Z) & Mã đặt hàng

Kiểu Tay Cần / Arm Type (懸臂型)

TỔNG QUAN THÔNG SỐ HOẠT ĐỘNG

HÀNH TRÌNH TỐI ĐA (MAX STROKE)

Trục X 1250 mm Trục Y 550 mm Trục Z 350 mm

VẬN TỐC TỐI ĐA (MAX SPEED)

Trục X 1000 mm/s Trục Y 500 mm/s Trục Z 250 mm/s

CÔNG SUẤT MOTOR AC SERVO

Trục X 400 W Trục Y 200 W Trục Z 100 W+Thăng

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (SPECIFICATION)

Hạng Mục / Item	Trục X (X axis)	Trục Y (Y axis)	Trục Z (Z axis)
Chủng loại thân trục (Model Type)	CFG12	CFG8	CFG5
Độ chính xác lặp lại (Repeatability)	±0.01 mm	±0.01 mm	±0.01 mm
Bước vít me (Ball Screw Lead)	20 mm	10 mm	5 mm
Vận tốc tối đa (Maximum Speed) ※1	1000 mm/s	500 mm/s	250 mm/s
Hành trình chuẩn (Bước 50mm)	50 ~ 1250 mm	100 ~ 550 mm	50 ~ 350 mm
Công suất động cơ Servo AC	400 W	200 W	100 W (Có phanh)
Môi trường làm việc (Environment)	0 ~ 40°C, Độ ẩm dưới 85% RH (Không ngưng tụ)		

※1: Vận tốc tối đa (mm/s) dựa trên tốc độ quay định mức của động cơ AC Servo là 3000 rpm/min.

TẢI TRỌNG TỐI ĐA (MAXIMUM PAYLOAD - KG)

Hành Trình Z	Hành Trình Trục Y (Y Stroke - mm)										
	50	100	150	200	250	300	350	400	450	500	550
50 mm	10 kg							7.77	4.77	1.77	
100 mm	10 kg							7.58	4.58	1.58	
150 mm	10 kg							7.38	4.38	1.38	
200 mm	10 kg							7.18	4.18	1.18	
250 mm	10 kg							6.99	3.99	0.99	
300 mm	10 kg							6.79	3.79	0.79	
350 mm	10 kg							6.59	3.59	0.59	

CẤU TRÚC MÃ ĐẶT HÀNG (ORDERING METHOD)

XYG432 - A 1 - 300 - 300 - 100 - T - C - 0001

1. Mã Thân Máy XYG432

Dòng Robot 3 Trục

2. Liên Kết A

A: Kiểu tay cần (Arm Type / 懸臂型)

3. Hướng Phối Hợp 1 ~ 4

1, 2, 3, 4: Hướng lắp đặt kết hợp

4. Hành Trình X 50~1250

50 ~ 1250 mm
(Bước 50mm)

5. Hành Trình Y 100~500

100 ~ 500 mm
(Bước 50mm)

6. Hành Trình Z 50~350

50 ~ 350 mm
(Bước 50mm)

7. Chuẩn Motor T / P

T: Động cơ thông dụng
(Mitsubishi, Delta, Yaskawa, Inovance...)
P: Động cơ Panasonic

8. Xuất Hàng C / K

C: Xuất bộ (By Set)
K: Xuất rời (By Kit)